TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2026/QĐST-HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 14 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Yêu cầu xác định cha cho con

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – TUYÊN QUANG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nghiêm Đình Long.

Thư ký phiên họp: Bà Phan Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Tuyên Quang tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Việt Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 3 – Tuyên Quang mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 01/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2026 về việc xác định cha cho con theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 02/2026/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Chị Bế Thị Bích D, sinh năm 2003
Số định danh cá nhân: 002303009984
Địa chỉ: Thôn E, xã N, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà La Thị B, sinh năm 1978
Số định danh cá nhân: 008178006734
Địa chỉ: Thôn N, xã N, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

- Người làm chứng: Bà Lý Thị Hương G, sinh năm 1976
Số định danh cá nhân: 008176005834
Địa chỉ: Thôn E, xã N, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

- Theo đơn yêu cầu và tại các lời khai, người yêu cầu chị Bế Thị Bích D trình bày: Từ đầu tháng 9 năm 2025, chị và anh Ma Thiện A, sinh năm 1998 đã quen nhau và chung sống với nhau như vợ chồng tại nhà anh A ở thôn N, xã N, tỉnh Tuyên Quang. Trong thời gian chung sống, chị D phát hiện mang thai vào khoảng tháng 11/2025. Ngày 11/4/2026, hai bên gia đình đã tổ chức lễ cưới cho chị D và anh A, có mời họ hàng, bạn bè, hàng xóm tham dự, có chụp ảnh lưu niệm, nhưng chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền do anh A bận đi làm xa.

Ngày 15/5/2026, anh Ma Thiện A bị tai nạn giao thông và chết tại thôn T, xã T, tỉnh Tuyên Quang (theo Trích lục khai tử số 49/2026/TLKT ngày 26/5/2026 do UBND xã N cấp) khi chị D đang mang thai được khoảng 32 tuần và chưa sinh con.

Ngày 25/6/2026, chị D sinh con (tên dự kiến khai sinh là Ma Thiện V), giới tính nữ, cân nặng 3100gr, tại Bệnh viện Đ (Giấy chứng sinh số GCS:

00780.GCS.08003.26). Khi làm thủ tục khai sinh cho cháu, do cha, mẹ chưa đăng ký kết hôn nên không thể ghi tên cha là anh Ma Thiện A vào Giấy khai sinh của cháu. Do anh Ma Thiện A đã chết, không thể trực tiếp làm thủ tục nhận cha cho con tại Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của Luật Hộ tịch, nên chị D làm đơn yêu cầu Tòa án xác định anh Ma Thiện A là cha đẻ của cháu Ma Thiện V để cháu được đăng ký khai sinh đầy đủ thông tin về người cha và được hưởng các quyền, lợi ích hợp pháp phát sinh từ quan hệ cha con theo quy định của pháp luật.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà La Thị B trình bày:* Bà xác nhận anh Ma Thiện A là con trai duy nhất của bà, ngoài ra bà không có người con nào khác (kể cả con riêng, con nuôi). Bà xác nhận việc anh A và chị D chung sống như vợ chồng tại nhà bà từ tháng 9/2025, biết việc chị D mang thai từ tháng 11/2025, có cùng anh A đưa chị D đi khám thai. Trước khi chết, anh A đã biết chị D mang thai và xác định đây là con của mình. Do anh A đã chết, không thể trực tiếp lấy mẫu xét nghiệm ADN so sánh cha – con, bà đã tự nguyện cung cấp mẫu tóc để xét nghiệm ADN xác định quan hệ huyết thống với cháu Ma Thiện V tại Công ty TNHH C. Bà hoàn toàn tự nguyện, đồng ý và xác nhận cháu Ma Thiện V là cháu nội, con đẻ của anh Ma Thiện A. Ngoài ra, bà không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

- *Người làm chứng bà Lý Thị Hương G trình bày:* Bà xác nhận toàn bộ nội dung sự việc như chị D đã trình bày là đúng sự thật; xác nhận trong suốt thời gian chung sống với anh A, chị D không có quan hệ tình cảm hoặc chung sống với người đàn ông nào khác; đề nghị Tòa án xem xét, xác định cha cho cháu Ma Thiện V.

Theo Kết quả xét nghiệm ADN số 11542H/2026 ngày 15/7/2026 của Công ty TNHH C, thực hiện theo Đơn yêu cầu xét nghiệm ADN ngày 11/7/2026 của bà La Thị B, kết luận: "LA THỊ BÌNH CÓ quan hệ huyết thống theo NST X với MA THIỆN VY, độ tin cậy trên 99,9999%".

Để làm rõ giá trị pháp lý và giá trị chứng minh của tài liệu nêu trên, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang đã có văn bản số 778/CV-TA ngày 05/8/2026 đề nghị Công ty TNHH C cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến việc thực hiện xét nghiệm. Công ty TNHH C đã có văn bản phúc đáp số CV.0608.NOVAGEN/2026 ngày 06/8/2026, xác nhận: Kết quả xét nghiệm ADN nêu trên đúng là do Công ty thực hiện và trả kết quả; việc lấy mẫu do nhân viên Công ty trực tiếp đến nơi cư trú của bà La Thị B, có kiểm tra, đối chiếu Căn cước công dân của bà B và Giấy chứng sinh của cháu Ma Thiện V, lập biên bản lấy mẫu có chữ ký của người cung cấp mẫu; phương pháp xét nghiệm là phân tích các locus thuộc hệ nhiễm sắc thể X (khác với xét nghiệm cha – con trực tiếp bằng phương pháp autosomal STR), sử dụng để xác định quan hệ huyết thống giữa hai cá nhân có cùng dòng họ theo hệ X; bộ K sử dụng (P, hãng S – Hồ N, Trung Quốc) được phép lưu hành, sử dụng tại Việt Nam; Công ty hiện còn lưu mẫu tóc gốc và dữ liệu, hồ sơ phân tích, thời hạn lưu giữ 05 năm kể từ ngày 15/7/2026.

* Tại phiên họp:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự chị D vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà B vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu của chị D.

- Người làm chứng, bà G vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, giữ nguyên các lời khai và cam đoan lời khai trung thực.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

*** Về tố tụng:** Thẩm phán, Thư ký phiên họp và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*** Về nội dung:**

Căn cứ khoản 10 Điều 29, Điều 35, điểm t khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 367, Điều 371, Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 101, Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Thẩm phán chấp nhận yêu cầu của chị Bế Thị Bích D về việc xác định cha cho con:

Xác định anh Ma Thiện A (sinh ngày 06/9/1998, đã chết ngày 15/5/2026, theo Trích lục khai tử số 49/2026/TLKT ngày 26/5/2026 do UBND xã N, tỉnh Tuyên Quang cấp) là cha đẻ của cháu Ma Thiện V (tên dự kiến khai sinh), sinh ngày 25/6/2026, theo Giấy chứng sinh số GCS:00780.GCS.08003.26 do Bệnh viện Đ cấp ngày 25/6/2026.

Chị Bế Thị Bích D được quyền đến cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền để làm thủ tục khai sinh cho con theo quy định của pháp luật về hộ tịch.

Về lệ phí và quyền kháng cáo: Chị D phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 3 – Tuyên Quang nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu của chị Bế Thị Bích D là yêu cầu xác định cha cho con, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 10 Điều 29, điểm t khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 101 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 (trường hợp người được yêu cầu xác định là cha, mẹ đã chết). Việc thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang là đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự có mặt của những người tham gia phiên họp: Tại phiên họp, người yêu cầu giải quyết việc dân sự chị D, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà B, người làm chứng bà G vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp giải quyết việc dân sự theo thủ tục chung.

[2] Về Nội dung:

- Về thời điểm chung sống, mang thai, sinh con: Chị D và anh A chung sống như vợ chồng từ tháng 9/2025; chị D mang thai từ khoảng tháng 11/2025; cháu Ma Thiện V sinh ngày 25/6/2026, đủ tháng, việc sinh diễn ra bình thường. Các

mốc thời gian này phù hợp với quy luật mang thai, sinh nở thông thường (khoảng 40 tuần), không có mâu thuẫn.

- Về sự thừa nhận của gia đình và người liên quan: Hai bên gia đình đã tổ chức lễ cưới cho chị D và anh A khi biết chị D mang thai. Bà La Thị B (mẹ đẻ anh A) xác nhận anh A biết và đã xác định cháu bé là con của mình trước khi chết. Sau khi anh A chết, gia đình bà B vẫn tiếp tục thừa nhận, chăm sóc chị D và cháu bé, không có bất kỳ ý kiến phản đối, tranh chấp nào. Bà Lý Thị Hương G (mẹ đẻ chị D) xác nhận chị D không có quan hệ với người đàn ông nào khác trong thời gian chung sống với anh A và mang thai.

- Về căn cứ khoa học: Theo Kết quả xét nghiệm ADN số 11542H/2026 ngày 15/7/2026 của Công ty TNHH C, bà La Thị B (mẹ đẻ anh Ma Thiện A) có quan hệ huyết thống theo nhiễm sắc thể X với cháu Ma Thiện V, độ tin cậy trên 99,9999%. Công ty TNHH C đã có văn bản phúc đáp xác nhận việc thực hiện xét nghiệm, quy trình lấy mẫu, xác minh nhân thân người cung cấp mẫu được thực hiện chặt chẽ, đúng người, đúng mẫu. Đặc biệt, bà La Thị B đã xác nhận chỉ có duy nhất anh Ma Thiện A là con trai, không có người con trai nào khác. Do đó, kết quả xét nghiệm huyết thống theo hệ nhiễm sắc thể X giữa bà B và cháu Ma Thiện V có đủ giá trị khoa học để xác định cháu Ma Thiện V có quan hệ huyết thống trực tiếp với anh Ma Thiện A, không còn khả năng khác gây nhầm lẫn.

- Các tài liệu, chứng cứ nêu trên phù hợp, thống nhất với nhau, không có mâu thuẫn; không có ai phản đối yêu cầu của chị Bế Thị Bích D.

Từ những căn cứ nêu trên, thấy rằng có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị Bế Thị Bích D, xác định anh Ma Thiện A là cha đẻ của cháu Ma Thiện V.

[4] Về lệ phí và quyền kháng cáo: Chị D phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 10 Điều 29, Điều 35, điểm t khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 367, Điều 371, Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 101, Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Bế Thị Bích D về việc xác định cha cho con.

Xác định anh Ma Thiện A (sinh ngày 06/9/1998, đã chết ngày 15/5/2026, theo Trích lục khai tử số 49/2026/TLKT ngày 26/5/2026 do UBND xã N, tỉnh Tuyên Quang cấp) là cha đẻ của cháu Ma Thiện V (tên dự kiến khai sinh), sinh ngày 25/6/2026, theo Giấy chứng sinh số GCS:00780.GCS.08003.26 do Bệnh viện Đ cấp ngày 25/6/2026.

Chị Bế Thị Bích D được quyền đến cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền để làm thủ tục khai sinh cho con theo quy định của pháp luật về hộ tịch.

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Bế Thị Bích D phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào số tiền

tạm ứng lệ phí việc dân sự theo biên lai số 0000307 ngày 05/8/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh T; chị D đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định./.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP
(Đã ký)

Nghiêm Đình Long

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 3 – Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Nà Hang, tỉnh Tuyên Quang
- Lưu hồ sơ việc dân sự.